

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH K**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/KDTM -ST

Ngày 07/10/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy; Bà Hoàng Thị Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2022/TLST –DS, chuyển sang án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2022/TLST- KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 15 /2022/QĐST- KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** - Công ty cổ phần phân bón V; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ; Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ trụ sở: Số 43/24 đường H, khu phố 6, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn Ch- nhân viên kinh doanh; Địa chỉ: Số 57 đường Chu Văn A, tổ 5 phường Ph, thành phố P, tỉnh G.(Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Trịnh Thị Ngh (chủ đại lý H Ngh); Địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc: Thôn K, xã P, huyện Ng, tỉnh K.(Có mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lưu Văn V; Địa chỉ: 29/13 L, thành phố P, tỉnh Gi. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần phân bón V - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn Ch trình bày: Chúng tôi có bán phân bón cho chị Trịnh Thị Ngh là chủ đại lý H, các loại phân bón, chúng tôi bán cho chị Ngh từ khoảng tháng 5/2019 chị Ngh lấy hàng của công ty chúng tôi từng đợt và thanh toán tiền

cho công ty bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo từng đợt, đến đợt mua hàng ngày 22/5/2020 thì chị Ngh lấy đơn hàng giá trị là 175.000.000đ, chị Ngh đã trả 170.000.000đ còn nợ lại số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Đến ngày 03/6/2020 chị Ngh lấy tiếp số hàng như sau:

- NPK 17.7.17 x 10 tấn x 8.800đ/ kg = 87.000.000đ
- NPK 16.18.8 x 20 tấn x 8.700đ/ kg = 174.000.000đ
- Phân gà xử lý x 10 tấn x 2.350đ/kg = 23.500.000đ

Cộng lại là 285.500.000đ và 5.000.000đ tiền nợ của đợt trước, là 290.500.000đ, nhưng công ty chúng tôi trừ đi 2.000.000đ tiền chênh lệch hóa đơn của đợt mua hàng trước, do vậy chúng tôi đòi 288.500.000đ. Khi đòi chị Ngh vẫn không trả tiền, nên theo quy định của công ty thì đến hết năm tổng kết mà không thanh toán tiền, nên chúng tôi tính lãi suất là 1% của số tiền 288.500.000đ bắt đầu từ ngày 01/01/2021 (mốc thời gian này chị Ngh đã nhất trí trả lãi theo thông báo đòi nợ ngày 01/3/2021), số tiền chị Ngh nợ tính đến ngày 01/6/2022, chúng tôi yêu cầu chị Ngh trả số tiền là 314.060.000đ, trong đó 268.500.000đ là tiền gốc và 45.560.000đ là tiền lãi. Tại phiên tòa, chúng tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Tiền gốc tính như sau: 173.000.000đ -170.000.000đ (Tiền đã trả) = 3.000.000đ +285.500.000đ - 10.000.000đ tiền chiết khấu của đợt mua hàng trước còn lại 278.500.000đ; tính số tiền lãi của số tiền gốc 278.500.000đ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 là 12 tháng : 278.500.000đ x 1% x 12 tháng = 33.420.000đ, đến ngày 18/01/2022 bà Ngh trả cho công ty 20.000.000đ nên công ty trừ vào số tiền gốc mà bà Ngh đã mua phân: 278.500.000đ - 20.000.000đ = 258.500.000đ, công ty tiếp tục tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/10/2022 là: 258.500.000đ x 1% x 8 tháng (tính tròn 8 tháng) = 20.680.000đ. Tổng cộng là 258.500.000đ (tiền gốc)+ 33.420.000đ (tiền lãi) + 20.680.000đ (tiền lãi) = 312.600.000đ.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Nguyên đơn cung cấp: 02 thông báo đòi nợ; 02 quyết định về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm (kèm theo danh sách các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm); 01 quyết định về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (kèm theo danh sách phân bón công nhận lưu hành tại Việt nam); 02 hóa đơn giá trị gia tăng; 02 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh(đều là bản sao có chứng thực); 01 sổ đại lý ghi tên Hùng Nghìn.

Bị đơn bà Trịnh Thị Nghìn trình bày: Chúng tôi mua phân của công ty cổ phần phân bón V vào khoảng từ tháng 5 năm 2019, khi mua bán với nhau không ký hợp đồng chỉ nói miệng với nhau thông qua anh Lưu Văn V, nội dung công ty gởi

đầu cho một chuyến hàng đầu, nếu lấy chuyến thứ hai thì thanh toán chuyến đầu không quy định thời gian, tôi thanh toán sớm thì được hưởng chiết khấu hoa hồng 400.000đ/tấn và 100.000đ/tấn hỗ trợ tiền cước vận chuyển. Tới ngày 03/6/2020 Tôi đặt hàng của công ty là 40 tấn hàng nhưng khi giao hàng thì nhân viên giao hàng là 30 tấn, nên tôi sửa lại 20 tấn thành 10 tấn, tổng cộng là 30 tấn, nhân viên có ghi giá tiền trên sổ là 30 tấn, nhưng khi tính tổng tiền thì tính 40 tấn, chênh lệch 87.000.000đ và công ty chưa trừ chiết khấu cho tôi là 7.000.000đ của đợt trả tiền đợt trước.

Khi nhân viên xuống hai lần thông báo đòi nợ, tôi có đưa ra ý kiến là trong sổ số tiền lệch nhau thì nhân viên đưa ra ý kiến là chị cứ ký vào giấy đòi nợ để tôi có cơ sở làm việc với công ty vì chị đang còn nợ tiền của công ty với lại chị còn cầm sổ của công ty giao cho chị, khi nào chị thanh toán tiền thì bỏ sổ gốc ra tính. Tôi muốn công ty xem xét lại số tấn hàng đã giao cho chúng tôi vì do hàng tôi nhận tại nhà. Tôi không đồng ý trả số tiền mà công ty đòi tôi, chỉ trả 171.500.000đ. Do tôi bận việc nên đến ngày 30/9/2022 tôi đã phô tô 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh gửi ra nộp cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Bị đơn cung cấp: 01 cuốn sổ đại lý Hùng Nghìn; 01 giấy nộp tiền đề ngày 18/01/2022 (bản phô tô); 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản phô tô).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lưu Văn V trình bày: Tôi là người trực tiếp giao hàng cho đại lý H, chị Trịnh Thị Ngh là chủ đại lý, cuốn sổ ghi số hàng tôi giao cho công ty phân bón V tôi ghi rất đầy đủ từng mã hàng và đơn giá mà chị Ngh nhận hàng và ký nhận nợ đầy đủ, đến đợt giao hàng cuối cùng vào ngày 03/6/2020, số tiền là 285.500.000đ gồm các loại hàng như sau:

- NPK 17.7.17 x 10 tấn x 8.800đ/ kg = 87.000.000đ
- NPK 16.18.8 x 20 tấn x 8.700đ/ kg = 174.000.000đ
- Phân gà xử lý x 10 tấn x 2.350đ/kg = 23.500.000đ

Và chị Nghìn còn nợ tiền hàng của đợt trước ngày 22/5/2020 là 5.000.000đ, tổng cộng chị Nghìn nợ công ty là 290.500.000đ, chưa trừ tiền chiết khấu số tiền là 7.000.000đ cho chị ngh (tiền chiết khấu này, số tiền tùy theo từng thời điểm công ty đưa ra).

Còn về cuốn sổ của chị ngh giữ thì các mục như loại hàng, quy cách, số lượng là do chị Ngh viết, chị Ngh sửa từ số 20 tấn thành 10 tấn, nên mục thành tiền và mục đơn giá là tôi viết theo mục số lượng mà chị Ngh ghi vào, nên tôi bị nhầm lẫn 20 tấn thành 10 tấn với giá là 87.000.000đ, nhưng đúng thực tế là 20 tấn thành tiền là 174.000.000đ, và chốt cuối sổ tôi vẫn chốt đúng tiền nợ là 290.500.000đ. Thực tế

cuốn sổ chị Ngh cầm thì chị Ngh có thể tự ghi để tự theo dõi số lượng hàng của mình lấy và số tiền trả. Còn chúng tôi bán nên cuốn sổ của công ty tôi ghi đầy đủ các mục và cộng thành tiền rồi chị ngh ký vào để công ty theo dõi nợ còn thanh toán tiền.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến : Tòa án nhân dân huyện Ng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại điều 35, 39, 68, 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tiến hành tố tụng, đưa vụ án ra xét xử đúng theo các điều 203, 237, 239, 248, 249, 250, 251, 252 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa án đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá Hợp đồng mua bán tài sản giữa cá nhân và tổ chức có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa mọi vấn đề đã được làm rõ đề nghị HĐXX xác định ngày 03/6/2020 bà Ngh mua của công ty cổ phần phân bón V 40 tấn hàng các loại, tại phiên tòa bà Ngh nhất trí tính lãi là 1% trên số tiền 171.500.000đ và nguyên đơn nhất trí chiết khấu 10.000.000đ cho bị đơn, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi bà Ngh số tiền 258.500.000đ (tiền gốc)+ 33.420.000đ (tiền lãi) + 20.680.000đ (tiền lãi) = 312.600.000đ.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền mua và lãi suất nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Áp dụng các điều 144, 147 BLTTDS; các điều 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 24; 50, 171 Luật thương mại; Căn cứ vào sổ Đại lý H của công ty giữ có ký xác nhận nợ của bà Trịnh Thị Ngh vào ngày 03/6/2020, để buộc bị đơn phải trả nợ gốc, lãi 312.600.000đ. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ng thụ lý vụ án dân sự số 103/2022 ngày 29/6/2022, nhưng đến ngày 30/9/2022 Tòa án nhận được đăng ký hộ kinh doanh của bà Trịnh Thị Ngh nên chuyển sang án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2022 ngày 30/9/2022. Xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Đây là quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại, giữa một bên là cá nhân và một bên là tổ chức, các bên đều đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[2]Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ giao dịch bằng miệng với nội dung thỏa thuận với nhau về việc mua bán phân bón, về giá cả, về khối lượng, về loại sản phẩm, thành tiền, đã thanh toán, ký xác nhận nợ và về chiết khấu cho bên mua khi bên mua thanh toán tiền ngay thì được khấu trừ 400.000đ/ tấn và được hỗ trợ tiền cước vận chuyển là 100.000đ/ tấn, thỏa thuận theo từng đợt mua bán hàng ghi theo các mục trong sổ đại lý. Người trực tiếp bán hàng, giao hàng và thỏa thuận của bên bán hàng là anh Lưu Văn V, bên mua hàng trực tiếp là bà Trịnh Thị Ngh, các bên đều có năng lực pháp luật dân sự. Mỗi bên giữ một cuốn sổ để tự theo dõi số hàng và tiền. Các bên bắt đầu mua bán vào ngày 23/5/2019 và đã mua bán nhiều đợt, bà Ngh ký sổ mua bán của công ty theo từng đợt đồng thời trả tiền theo từng đợt. Trong quá trình mua bán công ty cổ phần phân bón V đã giao hàng phân bón đúng chất lượng sản phẩm tại nhà của bà Ngh. Đến đợt mua hàng ngày 23/5/2020 bà Ngh có mua của công ty phân bón V 175.000.000đ tiền hàng, đã chuyển trả 170.000.000đ tiền hàng, còn nợ là 5.000.000đ, phía công ty phân bón V đòi nợ và đối chiếu sổ đại lý mà công ty giữ với hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất hàng, thì thấy hàng ngày 23/5/2020 có chênh lệch một giá với số tiền là 2.000.000đ (vì trong sổ đại lý ghi là 175.000.000đ, nhưng hóa đơn giá trị gia tăng ghi là 173.000.000đ) nên Công ty cổ phần phân bón V điều chỉnh lại số tiền chênh lệch cho bà Ngh xuống là 2.000.000đ từ đợt hàng lấy ngày 23/5/2020, sự điều chỉnh này không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Ngh và bà Ngh đã được biết và nhất trí cũng không có ý kiến gì, số tiền còn phải trả: (173.000.000đ - 170.000.000đ (bà Ngh chuyển trả) = 3.000.000đ và công ty phân bón Việt Anh chưa trừ chiết khấu cho bà Ngh tiền trả ngay của đợt lấy hàng ngày 23/5/2020, đến ngày 03/6/2020 bà Ngh tiếp tục mua hàng gồm các loại hàng như sau:

- NPK 17.7.17 x 10 tấn x 8.800đ/ kg = 87.000.000đ
- NPK 16.18.8 x 20 tấn x 8.700đ/ kg = 174.000.000đ
- Phân gà xử lý x 10 tấn x 2.350đ/kg = 23.500.000đ

Cộng lại là 285.500.000đ + 3.000.000đ = 288.500.000đ. Tất cả các đợt lấy hàng và số tiền nợ bà Trịnh Thị Ngh có ký nhận tại sổ Đại lý H mà công ty cổ phần phân bón V giữ với số tiền nợ 290.500.000đ (chưa điều chỉnh trong sổ đại lý). Do thời gian đã hết năm 2020, tổng kết năm, mà bà Ngh không thanh toán số tiền nợ trên, nên phía công ty phân bón V đòi nợ bà Ngh, bà Ngh đã được biết và không có ý kiến gì khi công ty làm việc trực tiếp hai lần thể hiện qua hai thông báo đòi nợ ngày 01/3/2021 và ngày 03/6/2021 có chữ ký xác nhận của bà Ngh, nội dung của 02

thông báo đòi nợ trên của công ty cổ phần phân bón V thể hiện bà Nghìn đã công nhận nợ mua phân bón là 288.500.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021, ý kiến bà Nghìn ghi ở phần xác nhận của đại lý, bà Nghìn muốn trả dần đến ngày 18/01/2022, thời gian đã quá hạn nhưng bà Ngh vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua. Nên công ty phân bón V yêu cầu bà Ngh trả tiền, tính đến ngày 01/6/2022 là 314.060.000đ (ba trăm mười bốn triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) (trong đó 268.500.000đ là tiền gốc và 45.560.000đ là tiền lãi) và lãi suất tiếp tục phát sinh.

Tuy nhiên lời khai của bà Ngh tại hồ sơ và tại phiên tòa thì do cuốn sổ của bà Ngh giữ, bà công nhận chính bà (Ngh) chỉnh sửa số lượng phân từ 20 tấn thành 10 tấn vì bà nhận có 10 tấn hàng loại NPK 16.18.8, tổng cộng đợt hàng ngày 03/6/2020 bà chỉ nhận 30 tấn (gồm các loại hàng khác nữa), nên có sự chênh lệch 10 tấn hàng loại NPK 16.18.8, là 87.000.000đ. Bà Ngh chỉ công nhận thanh toán số tiền mua phân là 171.500.000đ của 30 tấn chứ không phải 40 tấn, bà công nhận cuốn sổ mà bà giữ đó là do cả bà và anh Lưu Văn V cùng ghi vào để tự theo dõi số hàng và tiền. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, nhưng qua đối chất giữa bà Ngh và anh V và các lời khai của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh V khai: “do bà Ngh tự ý sửa số 20 tấn thành 10 tấn nên anh ghi nhầm số tiền của 10 tấn nhưng thực tế anh giao đủ 20 tấn loại NPK 16.18.8 nên khi chốt tiền của sổ công ty và sổ của bà Ngh đều có số tiền phù hợp với nhau trùng khớp 40 tấn, tiền là 290.500.000đ” Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy sau khi nhận hàng, nếu thấy không đủ hàng hoặc không chính xác về một nội dung gì đó thì bà Ngh cần có ý kiến ngay để hai bên điều chỉnh lại số lượng hàng trong sổ công ty giữ, mặt khác qua đối chiếu giữa hai cuốn sổ đại lý Hn thì thấy rằng ngày 03/6/2020 bà Ngh đã ký và ghi rõ họ tên của mình trong mục ký xác nhận trong cuốn sổ của công ty phân bón V là 290.500.000đ và cuốn sổ của bà Ngh giữ cũng là 290.500.000đ (sau đó điều chỉnh nợ là 288.500.000đ) và phù hợp với hai hóa đơn giá trị gia tăng ngày 23/5/2020 và 03/6/2020 mà bà Ngh đã nhận. Tại phiên tòa bà Ngh trình bày bà biết chữ, và nhớ rõ về số tiền nợ ghi bằng mực đỏ mà bà ký nợ là 290.500.000đ tại sổ đại lý công ty phân bón V giữ và do bà vẫn muốn tiếp tục mua phân bón của công ty để bán nên bà ký vào hai thông báo đòi nợ mà công ty cổ phần phân bón V đòi bà số tiền gốc là 288.500.000đ và tiền lãi tính 1% kể từ tháng 01/2021. Như vậy HĐXX xác định bà Ngh mua phân ngày 03/6/2020 của công ty cổ phần phân bón V là 40 tấn phù hợp với chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do vậy lời khai của bà Nghìn là mua 30 tấn hàng vào ngày 03/6/2020 là không đúng, không có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử giải thích vì dịch bệnh covid khó khăn về kinh tế nên Công ty cổ phần phân bón V thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền tính đến ngày xét xử (07/10/2022) như sau:

- Tiền gốc là 288.500.000 – 10.000.000đ (tiền chiết khấu do trả tiền ngay từ đợt lấy hàng ngày 23/5/2020) = 278.500.000đ; Số tiền lãi của số tiền gốc là 278.500.000đ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 là 12 tháng : $278.500.000đ \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 33.420.000đ$,

- Ngày 18/01/2022 bà Nghìn trả cho công ty 20.000.000đ nên công ty trừ vào số tiền gốc mà bà Ngh đã mua phân chỉ yêu cầu trả tiền gốc là : $278.500.000đ - 20.000.000đ = 258.500.000đ$ (hai trăm năm tám triệu, năm trăm nghìn đồng)

- Số tiền lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử 07/10/2022 là: $258.500.000đ \times 1\% \times 8 \text{ tháng (chỉ tính 08 tháng)} = 20.680.000đ$.

Tổng cộng là $258.500.000đ + 33.420.000đ + 20.680.000đ = 312.600.000đ$ (ba trăm mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng có lợi cho bị đơn là bà trịnh Thị Ngh và thấp hơn số tiền khởi kiện ban đầu vì vậy chấp nhận toàn bộ yêu cầu đã thay đổi của nguyên đơn là có cơ sở. Về số tiền gốc bà Ngh nợ là 258.500.000đ (hai trăm năm tám triệu, năm trăm nghìn đồng)

[3] Về tính tiền lãi suất: Lúc đầu hai bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng tại phiên tòa công ty phân bón V yêu cầu tính lãi suất là 1%/ tháng kể từ ngày 01/01/2021, bà Ngh lúc đầu không nhất trí tính lãi suất vì khi giao dịch không có thỏa thuận tính lãi suất, nhưng tại phiên tòa bà Ngh nhất trí tính lãi trên số tiền 171.500.000đ vì bà bán phân cho khách hàng cũng tính lãi là 1%/ tháng phù hợp với việc công ty đã làm việc với bà Nghìn thể hiện qua hai thông báo đòi nợ ngày 01/3/2021 và ngày 06/11/2021 với nội dung “ hai đơn hàng ngày 23/5/2020 và 03/6/2020 còn nợ là 288.500.000đ, và vì nợ quá hạn nên chúng tôi tính lãi là 1%/ tháng, thời gian tính lãi từ tháng 01/2021”, và bà Ngh đã ký tên Trịnh Thị Ngh và xác nhận của bà Ngh tại thông báo đòi nợ ngày 06/11/2021 với nội dung như sau: “Ngày 18/01/2021 đến ngày 18/01/2022 tôi sẽ thanh toán trả dần cho công ty” và xác nhận của bà Ngh tại thông báo đòi nợ ngày 01/3/2021 với nội dung như sau “ đồng ý trả nợ trong vòng 30 ngày, ngày 08/3/2021”.

Như vậy từ 02 thông báo đòi nợ của công ty cổ phần phân bón V ngày 01/3/2021 và ngày 06/11/2021 thể hiện bà Ngh đã công nhận nợ và nhất trí tính lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 01/01/2021.

Nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trịnh Thị Ngh thanh toán toàn bộ số tiền lãi của số tiền gốc là 278.500.000đ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 là 12 tháng: $278.500.000đ \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 33.420.000đ$, đến ngày 18/01/2022 bà Ngh trả cho công ty 20.000.000đ nên công ty trừ vào số tiền gốc mà bà Ngh đã mua phân: $278.500.000đ - 20.000.000đ = 258.500.000đ$, công ty tiếp tục tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử 07/10/2022 là: $258.500.000đ \times 1\% \times 8 \text{ tháng (tính 8 tháng)} = 20.680.000đ$. Tổng cộng tiền lãi là $33.420.000đ + 20.680.000đ = 54.100.000đ$. HĐXX thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải trả lãi 10%/năm/ số tiền gốc chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Trịnh Thị Ngh phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 24, 50, 171 Luật thương mại;

Áp dụng các Điều 117, 118, 119, Điều 280, Điều 430, 433, 434, 435 Điều 440; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trịnh Thị Ngh phải trả cho công ty cổ phần phân bón V số tiền nợ mua hàng tính đến ngày (07/10/2022) là 312.600.000đ (ba trăm mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), (trong đó 258.500.000đ là tiền gốc và 54.100.000đ là tiền lãi).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Thị Ngh chậm trả tiền cho công ty cổ phần phân bón V thì bà Ngh phải chịu lãi suất là 10%/năm/ số tiền gốc chậm trả.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị Ngh phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 15.630.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng), để nộp ngân sách Nhà nước. Công ty cổ phần phân bón V được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 7.851.000đ (bảy triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002776 ngày 29/6/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/10/2022);

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh